

HƯỚNG DẪN

Về việc thực hiện các khoản thu năm học 2021-2022

Căn cứ hướng dẫn số 1522/SGDDĐT-KHTC ngày 6 tháng 10 năm 2021 về việc thực hiện Nghị Quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông

Trường THPT Krông Nô hướng dẫn thu – chi năm học 2020-2021 như sau:

I. Các khoản kinh phí theo quy định: GVCN thông qua

1.1. Thu, chi học phí

- Học phí: Căn cứ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo “ Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể nhưng không được vượt mức trần khung học phí hoặc mức học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành năm học 2020-2021 đối với từng cấp học và từng khu vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương”. Vì vậy trong năm học 2021-2022 mức thu học phí vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 26/2015/NQ- HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập áp dụng cho năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Sử dụng Tiền học phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 sửa đổi bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

a. Phần dự kiến thu

Khu vực I : 45.000đ/tháng x 9 tháng = 405.000đ

Khu vực II : $30.000đ/tháng \times 9 \text{ tháng} = 270.000đ$

Khu vực III: $25.000đ/tháng \times 9 \text{ tháng} = 225.000đ$

Lưu ý: Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đã hướng dẫn trong phần Hướng dẫn thu hồ sơ chế độ của học sinh năm học 2021-2022

b. Định mức chi dự kiến :

- Chi thường xuyên theo quy định : 60% trên tổng thu

- Chi cải cách tiền lương: 40% trên tổng thu

1.2. Tiền Bảo hiểm y tế

Căn cứ thông báo số 315/TB-BHXH ngày 18 tháng 06 năm 2021 của Bảo hiểm xã hội huyện Krông Nông về việc thu Bảo hiểm y tế học sinh – sinh viên năm học 2021-2022

Mức đóng BHYT HSSV/tháng = $4,5\% \times 1.490.000 \text{ đồng/tháng} = 67.050 \text{ đồng/tháng}$. Trong đó Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 30%, HSSV tự đóng 70%;

Mức thu K10, K11: $67.050 \text{ đồng/tháng} \times 70\% \times 12 \text{ tháng} = 563.220đ/năm$

Mức thu K12: $67.050 \text{ đồng/tháng} \times 70\% \times 9 \text{ tháng} = 422.415đ$

Toàn bộ số tiền BHYT thu được sẽ nộp về cơ quan BHXH huyện Krông Nông để làm thẻ BHYT cho học sinh.

Lưu ý học sinh thuộc các đối tượng không phải mua thẻ BHYT: Thôn, xã vùng đặc biệt khó khăn (vùng 3), con hộ nghèo, cận nghèo, Con Công an, Con Bộ đội

1.3. Tiền giữ xe (học sinh có nhu cầu gửi xe trong nhà trường) :

Tiền giữ xe hàng ngày cho học sinh có nhu cầu gửi xe thực hiện theo quy định của Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Nhà trường phải căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường để thu tiền giữ xe hàng ngày cho học sinh có nhu cầu gửi xe nhưng không được thu cao hơn so với quy định.

a. Phần dự kiến thu

- Xe đạp: $70.000đ/học \text{ sinh/năm}$ giảm tháng 9 còn thu $60.000đ/học \text{ sinh/năm}$

- Giữ xe đạp điện: $100.000đ/học \text{ sinh/năm}$ giảm tháng 9 còn thu $90.000đ/học \text{ sinh/năm}$

- Xe máy 50cc: $150.000đ/ \text{ học sinh/năm}$ giảm tháng 9 còn thu $135.000đ/học \text{ sinh/năm}$

b. Định mức chi dự kiến :

- Tiền công cho người trông giữ xe: $3.600.000\text{đ}/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 32.400.000\text{đ}$
- Tiền sửa chữa, nâng cấp nhà xe, sân nhà xe: $20.000.000\text{đ}$
- Tiền làm thẻ giữ xe: $3.000\text{đ}/\text{thẻ} \times \text{số lượng thẻ}$

Trong trường hợp số lượng xe học sinh gửi nhiều, sau khi trừ đi các chi phí trên, nếu kinh phí còn thừa thì nhà trường sẽ chuyển sang quỹ phúc lợi của nhà trường

II. Dịch vụ phục vụ trực tiếp người học

1. Thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh:

a. Phần dự kiến thu

$50.000\text{đ}/\text{học sinh}/ 8 \text{ tháng} \times 1.400 \text{ học sinh} = 70.000.000\text{đ}$

b. Phần chi dự kiến:

- Thuê nhân công dọn khu vực nhà vệ sinh ... : $7.000.000\text{đ}/ \text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 70.000.000\text{đ}$

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi thông tin liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh

a. Phần dự kiến thu

$50.000\text{đ}/\text{học sinh}/ \text{năm} \times 1.300 \text{ học sinh} = 65.000.000\text{đ}$

b. Phần chi dự kiến:

- Chi trả tiền cước phí tín nhắn tại Trung tâm Viễn thông : $50.000\text{đ}/\text{học sinh}/ \text{năm} \times 1.300 \text{ học sinh} = 65.000.000\text{đ}$

3. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp:

a. Dự kiến mức thu

$100.000\text{đ}/\text{học sinh}/ \text{năm}$

b. Phần chi dự kiến:

- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm, rèn kỹ năng sống đối với học sinh THPT

III. Các khoản thu hỗ trợ các các hoạt động giáo dục

Công tác kiểm tra, đánh giá học sinh của nhà trường (kinh phí mua giấy phục vụ công tác kiểm tra, thi, tiền photo đề thi, đề kiểm tra

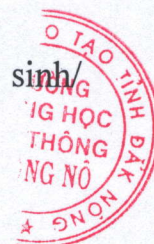
1. Phần dự kiến thu

$50.000\text{đ}/\text{học sinh}/ \text{năm} \times 1.400 \text{ học sinh} = 70.000.000\text{đ}$

2. Định mức chi dự kiến :

- Chi mua giấy A4 photo đề kiểm tra 15 phút, đề kiểm tra 01 tiết, học kỳ, đề thi thử THPT Quốc Gia năm 2020: $730 \text{ ram} \times 75.000\text{đ}/\text{ram} = 54.750.000\text{đ}$
- Chi mua giấy A3 photo đề kiểm tra 15 phút, đề kiểm tra 01 tiết, học kỳ, đề thi thử THPT Quốc Gia năm 2020: $25 \text{ ram} \times 150.000\text{đ}/\text{ram} = 3.750.000\text{đ}$
- Chi mua giấy thi theo mẫu: $7.780 \text{ tờ} \times 1.000\text{đ}/\text{tờ} = 7.780.000\text{đ}$
- Chi mua giấy nháp: $7.440 \text{ tờ} \times 500\text{đ}/\text{tờ} = 3.720.000\text{đ}$

IV. Tiền dạy thêm, học thêm:



Căn cứ kế hoạch số 301/KH-THPT ngày 25 tháng 10 năm 2021 về Kế hoạch tổ chức dạy thêm – học thêm tại nhà trường năm học 2021 - 2022

a. Mức thu:

6.000đ/tiết x Số tiết thực học

b. Mức chi:

- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: 2%/ tổng thu. Số thu sau khi trừ 2% thuế còn lại được phân bổ như sau:
- Chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy: 75%
- Chi tiền công tác quản lý, kiểm tra, phục vụ hoạt động dạy thêm, học thêm: 15%
- Chi sửa chữa cơ sở vật chất : 8%
- Chi quỹ phúc lợi : 2%

Nơi nhận:

- GVCN khối 10, 11,12 (để thực hiện).
- Niêm yết ở bảng thông báo.
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Chung